TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TUY AN** **TỈNH PHÚ YÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **07**/2022/DSST
Ngày: 27/4/2022
V/v: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUY AN, TỈNH PHÚ YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Diễm Huyền

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Như Nghi và bà Trần Thị Lê Dung.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thanh- Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Tâm – Kiểm sát viên**.**

Ngày 27 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tuy An, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 56/2021/TLST-DS ngày 02 tháng 11 năm 2021 về tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2022/QĐXXST-DS ngày 31 tháng 3 năm 2022 và quyết định hoãn phiên tòa số 02/2022/QĐST-DS ngày 13 tháng 4 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Lê Văn T– sinh năm 1963.

Trú tại: Thôn P, xã A, huyện T, tỉnh Phú Yên. Có mặt.

- *Bị đơn:* Ông Đỗ Văn L– sinh năm 1957.

Trú tại: Thôn Q, xã A, huyện T, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Nguyễn Thị T– sinh năm 1961; Thôn Q, xã A, huyện T, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt.

- *Người làm chứng*:

- Ông Nguyễn Ngọc T1– sinh năm 1961; Trú tại: Thôn P, xã A, huyện T, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt, có đơn xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, các tài liệu có tại hồ sơ và bổ sung tại phiên tòa nguyên đơn ông Lê Văn T trình bày: Vào ngày 30/5/2018, ông T có cho ông Đỗ Văn L vay số tiền 60.000.000đ (Sáu mươi triệu đồng) (có giấy mượn tiền kèm theo), việc vay mượn không ghi nhận lãi suất nhưng hai bên có thỏa thuận lãi

suất miệng là 5%/tháng (từ lúc mượn đến nay ông L chỉ trả tiền lãi là 3.000.000đ thì không trả nữa). Thời gian trả nợ khoản vay là 04 tháng (tức vào ngày 30/9/2018), sau đó gia hạn thêm 01 năm. Khi mượn tiền chỉ có một mình ông L đứng ra mượn và chính ông L ký tên vào giấy mượn tiền. Việc vay mượn tiền có ông Nguyễn Ngọc T1 là người cùng thôn chứng kiến. Quá thời hạn trả nợ ông T đã đến nhà ông L đòi nợ nhiều lần nhưng ông L không chịu trả nợ, trốn tránh, không chịu gặp ông T và vào năm 2019 ông T cùng người nhà tiếp tục lên nhà ông L để yêu cầu trả nợ thì vẫn không gặp ông L, nhưng có gặp vợ ông L là bà T để trình bày sự việc ông L vay tiền và yêu cầu gia đình ông L phải trả khoản nợ thì bà T cho rằng ông L nợ tiền nhiều người, chứ bà T không liên quan gì tới việc vay mượn tiền của ông L. Và khi đó bà T có đưa cho ông T 5.000.000đ (Năm triệu đồng). Từ đó đến nay ông T đã nhiều lần đến yêu cầu ông L trả số tiền nợ còn lại nhưng ông L không chịu trả. Quá trình hòa giải tại Tòa án, ông T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện yêu cầu ông L phải trả số tiền gốc còn nợ là 55.000.000đ (Năm mươi lăm triệu đồng), không yêu cầu lãi suất. Nay tại phiên tòa, ông Tyêu cầu cả vợ chồng ông L, bà T phải trả số tiền gốc còn nợ là 55.000.000đ (Năm mươi lăm triệu đồng), không yêu cầu lãi suất.

- Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Tuy An đã tiến hành triệu tập, tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn ông Đỗ Văn L nhưng ông L không đến Tòa, không thực hiện nghĩa vụ của đương sự và cố tình vắng mặt nên không có lời trình bày.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị T có lời khai tại hồ sơ vụ án thể hiện: Bà T là vợ ông L, việc ông L mượn tiền của ông Tiết, bà T không biết, bà T không có ký vào giấy mượn tiền, ông L mượn tiền không có nói cho bà T biết. Đến năm 2019 thì nhiều người lên nhà bà đòi nợ, yêu cầu bà trả nợ cho ông L, do trước đây ông L chơi cờ bạc nợ nần rất nhiều người, bà T đã cùng gia đình trả rất nhiều cho chủ nợ và vì sợ đe dọa nên bà có đưa cho ông T 5.000.000đ. Chứ bà T không liên quan gì đến việc vay mượn tiền giữa ông L và ông Tiết. Gia đình bà nợ nần nhiều người là do ông L thua cờ bạc rồi tự đi vay bên ngoài, nên bà không đồng ý trả nợ.

- Người làm chứng ông Nguyễn Ngọc T1 có đơn xét xử vắng mặt, trình bày: Vào ngày 30/5/2018, do ông L cần tiền nên nhờ ông T1 hỏi mượn tiền dùm, ông T1 có dẫn ông L tới nhà ông T để ông L mượn tiền. Tại nhà ông T, thì ông L hỏi mượn 60.000.000đ. Ông T đồng ý cho mượn và đưa tiền cho ông L; Ông T nhờ ông T1 viết giấy mượn tiền, rồi ông L và ông T ký tên vào giấy mượn tiền. Ông T1 cũng có ký tên vào giấy mượn tiền đó. Khi mượn tiền chỉ có một mình ông L mượn tiền và ký tên vào giấy mượn tiền.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy An tham gia phiên tòa phát biểu: Quá trình thụ lý, chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử (HĐXX), Thư ký và những người tham gia tố tụng đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS). Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không lý do là vi phạm Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS). Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 463, 466 Bộ luật dân sự (BLDS), chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn ông Đỗ Văn L phải trả cho ông Lê Văn T số tiền 55.000.000đ; Đối với yêu cầu của ông Lê Văn T buộc bà Nguyễn Thị T cùng chịu trách nhiệm trả nợ là không có căn cứ, nên không chấp nhận.Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng. HĐXX nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả số tiền đã vay theo giấy mượn tiền. Đây là tranh chấp về giao dịch dân sự theo quy định tại khoản 3 Điều 26 BLTTDS. Bị đơn thường trú tại thôn Q, xã A, huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên theo quy định tại Điều 35 BLTTDS. Quá trình giải quyết vụ án bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần theo quy định pháp luật, tuy nhiên bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt không có lý do. Do đó, HĐXX căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 BLTTDS tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[2] Về nội dung tranh chấp:

- Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, HĐXX thấy rằng: ông Lê Văn T khởi kiện yêu cầu ông Đỗ Văn L, bà Nguyễn Thị T phải trả số tiền 55.000.000đ còn nợ căn cứ vào giấy mượn tiền lập ngày 30/5/2018 do ông L ký tên; yêu cầu ông L và bà T trả nợ, không yêu cầu lãi suất.

Căn cứ lời trình bày của nguyên đơn, lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng và căn cứ giấy mượn tiền thì chỉ có một mình ông L xác nhận nợ và ký tên vào giấy mượn tiền, bà Nguyễn Thị T không ký vào giấy mượn tiền; giấy mượn tiền cũng không chứng minh việc vay tiền của ông L là sử dụng chung của vợ chồng ông L, bà T; không có chứng cứ nào chứng minh khoản nợ vay 60.000.000đ theo giấy vay tiền do ông L ký tên là nợ chung của vợ chồng ông L, bà T nên HĐXX xác định đây là nợ riêng của bị đơn Đỗ Văn L đối với nguyên đơn Lê Văn T. Do đó, yêu cầu của ông T về việc buộc bà T phải cùng có trách nhiệm trả khoản nợ trên là không có căn cứ.

Việc ông L vay tiền của ông T đã quá thời hạn trả nợ nhưng ông L vẫn chưa trả nợ là xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông T. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của ông T là có căn cứ, nên cần chấp nhận buộc bị đơn ông Đỗ Văn L phải trả cho nguyên đơn ông Lê Văn T số tiền gốc còn nợ là 55.000.000đ (Năm mươi lăm triệu đồng).

- Về yêu cầu tính lãi: Nguyên đơn không yêu cầu nên không xét.

[3] Về án phí sơ thẩm: Bị đơn ông Đỗ Văn L là người cao tuổi thuộc trường hợp được xét miễn nộp áp phí theo quy định pháp luật. Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án, ông Đỗ Văn L không đến Tòa, không thực hiện nghĩa vụ của đương sự và cố tình vắng mặt nên không có ý kiến và cũng không có đơn xin miễn án phí nên ông L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định là 55.000.000đ x 5% = 2.750.000đ; Hoàn trả tạm ứng án phí cho nguyên đơn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự; Điều 147, 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Văn T.

1. Buộc ông Đỗ Văn L phải có nghĩa vụ trả cho ông Lê Văn T số tiền 55.000.000đ *(Năm mươi lăm triệu đồng)*;

Khi bản án có hiệu lực pháp luật và kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, nếu người phải thi hành án chưa thi hành xong thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

2. Về án phí:

- Ông Đỗ Văn L phải chịu 2.750.000đ *(Hai triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm.

- Hoàn trả cho ông Lê Văn T số tiền 1.500.000đ *(Một triệu năm trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp tại biên lai thu tiền số 0003687 ngày 01/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Phú Yên.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật

thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt, niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

***Nơi nhận**:*
- TAND tỉnh Phú Yên;
- VKSND huyện Tuy An (2);
- Chi cục THADS huyện T;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ, AV.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Trần Thị Diễm Huyền